TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **161**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
V/v y/c không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Luyến.

2. Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27/7/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 276/2026/TLST–HNGĐ ngày 09/6/2026 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 403/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 319/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Như P**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

CCCD số: 09418201XXXX

Địa chỉ: ấp H, xã A, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Cao Minh H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

CCCD số: 09407601XXXX

Địa chỉ: Số nhà 275/6, ấp H, xã An, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như P trình bày: Bà và ông Cao Minh H quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2003, nhưng do không am hiểu pháp luật nên bà và ông H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông H có 02 con chung tên Cao Yến V, sinh ngày 13/12/2003 và Cao Hoàng N, sinh ngày 31/01/2005,

hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà và chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà và ông Cao Minh H là vợ chồng; Về con chung: Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Cao Minh H trình bày: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của các ông.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, vụ án không thuộc trường hợp hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Cao Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà P và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà P.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Cao Yến V, sinh ngày 13/12/2003 và Cao Hoàng N, sinh ngày 31/01/2005, hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như P.

1.1. Tuyên bố bà Huỳnh Thị Như P và ông Cao Minh H không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Con chung tên Cao Yến V, sinh ngày 13/12/2003 và Cao Hoàng N, sinh ngày 31/01/2005 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Như P phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011628 ngày 09/6/2026 do Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu. Bà Huỳnh Thị Như P không phải nộp thêm án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 10-Cần Thơ);
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa